TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 155/2029/HNGĐ-ST
Ngày: 09/09/2020
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết**.**
Các hội thẩm nhân dân: Ông Cao Văn Quỳnh và bà Nguyễn Thị Tiếp,
-Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Bùi Thị Huyền – Thư ký TAND huyện C.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXX-ST, ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:
1. Nguyên đơn: Anh Phạm Văn N sinh năm 1992.
Trú tại: Thôn X, xã Cẩm B, huyện C, tỉnh Thanh hoá. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt
2. Bị đơn: Chị Cao Thị H sinh năm 1992
Trú tại: Thôn Thành L, xã Cẩm T, huyện C, tỉnh Thanh hoá. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01/06/2020 và bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là anh Phạm Văn N trình bày: Anh và chị Cao Thị H kết hôn với nhau ngày 12/10/2016. Hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm B, huyện C. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sinh sống và làm việc trong tỉnh Bình Dương. Khi con gái đầu được 01 tuổi, vợ chồng gửi con về quê ở với ông bà nội. Trong cuộc sống đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, chị H không tôn trọng chồng và gia đình chồng, làm ảnh hưởng đến tinh thần của các con, cha mẹ. Chị H có tính hay giận dỗi, ương bướng. Anh đã nhiều lần góp ý nhưng chị không nghe. Sự việc vẫn cứ tiếp

diễn và mâu thuẫn trở nên gay gắt vào đầu năm 2020. Chị H bỏ về nhà mẹ đẻ để sống. Anh đã nhắn tin và đến đón nhưng chị không về. Nay anh cảm thấy không thể cùng nhau chung sống được nữa, tình cảm vợ chồng không còn, đã sống ly thân, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Bị đơn chị Cao Thị H trình bày: Về quan hệ hôn nhân giữa chị và anh N như anh N trình bày ở trên là đúng thực tế. Về mâu thuẫn vợ chồng là do anh Như cờ bạc, không quan tâm đến vợ con lúc nào cũng muốn cáu gắt đòi tiền để đi đánh bạc. Chị đã khuyên nhủ anh N nhiều lần, anh N đã hứa bỏ, không chơi nữa nhưng rất nhiều lần anh N cắm xe rồi lấy xe của chị và em chị đi cắm dẫn đến vợ chồng thường xuyên xung đột, cãi vã, không có tiếng nói chung. Khi chị sinh con thứ 2 ở trong Bình Dương anh N cũng vẫn chứng nào tật nấy chơi cờ bạc và cắm xe. Sau đó anh N cho hai mẹ con chị về nhà ở cùng với mẹ chồng từ đó dẫn đến nhiều mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu. Tết nguyên đán năm 2020 anh Như có đưa ba mẹ con chị lên ngoại sau đó chị có gọi gia đình và anh N lên đón nhưng anh N không nghe máy, không lên đón và có nhắn tin lại là mẹ chồng đuổi chị không cho chị về nữa. Từ đó đến nay mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thẫn đã trở nên trầm trọng. Anh N có đơn xin ly hôn chị đồng ý ly hôn nếu anh để cho chị nuôi cả hai con.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có hai con chung Phạm Gia N – sinh ngày 25/02/2020 và Phạm Thị Ngọc H – Sinh ngày 02/04/2019. Anh N có nguyện vọng được nuôi cháu Phạm Gia N, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H có nguyện vọng nuôi cả 02 con vì hiện nay các con đang còn nhỏ. Còn sau này khi con lớn thì theo nguyện vọng của con. Chị yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản: Anh N và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56, điều 58 và điều 81, điều 82 và điều 83 – Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho anh N được ly hôn chị H.

Về con chung: Giao cháu Phạm Gia N – sinh ngày 25/02/2017 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Giao cháu Phạm Thị Ngọc H – sinh

ngày 02/04/2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Anh N và chị H không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Anh N phải chịu 300.000đ án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Phạm Văn N làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với chị Cao Thị H trú tại: Thôn Thành L, xã Cẩm T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, việc anh N khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh N có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt anh theo quy định tại khoản 1 điều 227 và khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Anh N và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm B, huyện C, Thanh Hóa nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau. Chị H trình bày, anh N chơi bời cờ bạc, không quan tâm đến vợ con. Nay anh xin ly hôn, chị H nhất trí ly hôn nếu anh để cho chị nuôi cả hai con.

Xét mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, phát triển ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân nhau. Căn cứ vào điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh N được ly hôn chị H.

[4] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung: Phạm Gia N sinh ngày 25/02/2017 và cháu Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày 02/04/2019. Anh N có nguyện vọng được nuôi cháu Phạm Gia N, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H có nguyện vọng nuôi 02 con chung cháu Gia Nhi và Ngọc H và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng. Nguyện vọng nuôi con của anh chị là chính đáng. Anh và chị đều có công việc và thu nhập ổn định. Thu nhập của anh N 10.396.000đ/tháng, thu nhập của chị H tháng cao nhất là 17.000.000đ, tháng thấp nhất là 10.000.000đ. Do đo, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên căn cứ Điều 81 – Luật hôn nhân và gia đình giao cháu N cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên, giao cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[5] Về tài sản: Anh N và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Anh N phải chịu án phí DSST.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điều 51, điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 và điều 273 Bộ luật TTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Về hôn nhân: xử cho anh N được ly hôn chị H.

Về con chung: Công nhận vợ chồng có 02 con chung: Phạm Gia N sinh ngày 25/02/2017 và cháu Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày 02/04/2019. Giao cháu N cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên, giao cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh N và chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Anh Phạm Văn N và chị Cao Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh N phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0003312, ngày 19/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Chị Cao Thị H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện C.
- TAND tỉnh Thanh hoá.
- Chi cục THADS huyện C.
- UBND xã Cẩm B
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Vũ Thị Ánh Tuyết